| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ CẦN THƠ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - hạnh phúc** |

Bản án số: 246/2024/DS-PT
Ngày 04-6-2024
*"V/v tranh chấp về thừa kế tài sản".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Bảo Anh

*Các Thẩm phán*: Ông Thái Quang Hải

Ông Phạm Văn Bình

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Phong Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ***: Ông Lâm Thành Them - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp về *"thừa kế tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 114/2023/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Toà án nhân dân quận Bình Thủy bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 182/2024/QĐ - PT ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1927 (chết năm 2017).

Địa chỉ: 2, tổ F, khu V, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị H*:

1.1/ Bà **Mai Thị C**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: khu V, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà C*: Bà Mai Thị L, sinh năm 1961; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh An Giang.

1.2/ Bà **Mai Thị L**, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh An Giang.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L*: ông Nguyễn Văn L1 là Luật sư, thành viên Công ty L7, thuộc Đoàn Luật sư thành phố C (có mặt).

*2. Bị đơn*: Bà **Dương Thị T**, sinh năm 1944.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà T*: bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1982 (có mặt)

Cùng địa chỉ: 2, Tổ I, khu vực T, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T*: ông Nguyễn Thanh K là Luật sư, Văn phòng L8, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt).

*3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà **Mai Thị C**, sinh năm 1957. (Con bà H)

Địa chỉ: khu V, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

3.2. Bà **Mai Thị L**, sinh năm 1961. (Con bà H)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh An Giang.

Bà Mai Thị C ủy quyền cho bà Mai Thị L.

3.3. Bà **Nguyễn Thị C1**, sinh năm 1934 (Vợ ông K1, chết năm 2019)

*Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà C1*:

Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1955. (Con ông K1, bà C1)

Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1961. (Con ông K1, bà C1)

Bà **Nguyễn Thị L2**, sinh năm 1961. (Con ông K1, bà C1)

Ông **Nguyễn Văn L3**, sinh năm 1964. (Con ông K1, bà C1)

Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1968. (Con ông K1, bà C1)

Bà **Nguyễn Thị Kim L4**, sinh năm 1972. (Con ông K1, bà C1)

Ông **Nguyễn Thành L5**, sinh năm 1974. (Con ông K1, bà C1)

Ông **Nguyễn Thanh T1**, sinh năm 1975. (Con ông K1, bà C1)

Cùng địa chỉ: 2, tổ H, khu vực T, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

Bà Nguyễn Thị Đ, Ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị L2, ông Nguyễn Văn L3, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Kim L4, ông Nguyễn Thành L5 cùng ủy quyền cho bà Nguyễn Như Ý, sinh năm 2001; địa chỉ: I, khu V, phường H, quận C, TP . (theo Văn bản ủy quyền lại ngày 04/5/2024).

Ông Nguyễn Thanh T1 ủy quyền cho ông Nguyễn Thế T2, sinh năm 1957; địa chỉ: 9, phường A, quận N, TP . (Giấy ủy quyền ngày 17/10/2023) và bà Nguyễn Như Ý, sinh năm 2001; địa chỉ: số A, đường B, Khu dân cư H, phường P, quận C, TP . (Giấy ủy quyền ngày 04/5/2024), (ông T2 vắng mặt, bà Ý có mặt).

3.4. Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1966 (Con ông T).

Ông Nguyễn Văn S ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1982; địa chỉ: 2, Tổ I, khu vực T, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ (có mặt).

3.5. Bà **Nguyễn Thị M1 (Nguyễn Thị Kim C2**), sinh năm 1968 (Con ông T), (có mặt).

3.6. Bà **Nguyễn Thị Ú**, sinh năm 1982 (Con ông T).

Cùng địa chỉ: 20/1, tổ I, khu V, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ (có mặt).

3.7. Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1959 (Con ông S1), (vắng mặt).

3.8. Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1952 (chồng bà H1), (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 2, tổ F, khu V, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

3.9. Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1963 (Con ông S1), (vắng mặt).

3.10. Ông **Nguyễn Phước H2**, sinh năm 1966 (Con ông S1), (vắng mặt).

3.11. Bà **Nguyễn Thị H3,** sinh năm 1969 (Con ông S1), (vắng mặt).

3.12. Ông **Nguyễn Văn T3**, sinh năm 1972 (Con ông S1), (vắng mặt).

3.13. Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1978 (Con ông S1), (vắng mặt).

3.14. Ông **Nguyễn Thanh B,** sinh năm 1976 (Con ông S1), (có mặt).

Cùng địa chỉ: B, Tổ F, KV T, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

3.15. Ông **Nguyễn Hoàng Đ1** (vắng mặt)

3.16. Bà **Bùi Thị Thu H4** (vắng mặt)

3.17. Bà **Lê Hồng L6** (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 2, tổ H, khu vực T, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

* Người kháng cáo: ông Nguyễn Thanh T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện cùng tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Mai Thị L trình bày:*

Cụ Nguyễn Văn H5 (chết năm 1975) và cụ Lý Thị N (chết ngày 11/01/2008). Lúc sinh thời vợ chồng cụ N có tất cả 04 người con gồm: bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn S2, ông Nguyễn Văn K2 và ông Nguyễn Văn T4. Bà H chết năm 2017 có chồng là ông Mai Đức H6 (chết năm 1984) (bà H có 02 người con gồm bà Mai Thị C và bà Mai Thị L), ông S2 chết năm 2019 có vợ là bà Ngô Thị Ẩ (chết năm 2012) (Ông S2 có 07 người con gồm: bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Phước H2, bà Nguyễn Thị H3, ông Nguyễn Văn T3, ông Nguyễn Thanh B, ông Nguyễn Văn Q), ông T4 chết năm 1971(ông T4 có 03 người con gồm: ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị M1 (Nguyễn Thị Kim C2), bà Nguyễn Thị Ú), ông K2 chết năm 2009 (ông K2 có 08 người con gồm: bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị L2, ông Nguyễn Văn L3, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Kim L4, ông Nguyễn Thành L5, ông Nguyễn Thanh T1). Cụ N chết để lại di sản gồm:

Thửa đất số 24, diện tích được cấp 3.570m$^2$, diện tích đo đạc thực tế 3.408.2m$^2$, loại đất 2L;

Thửa đất số 92, diện tích được cấp 875m$^2$, diện tích đo đạc thực tế 1.004.7m$^2$, loại đất 2L;

Thửa đất số 266, tờ bản đồ số 04, diện tích được cấp 1.338m$^2$ , diện tích sau khi chuyển nhượng là 1.157.0m$^2$, diện tích đo đạc thực tế là 1.157.2m$^2$ (có 300m$^2$ đất ở đô thị, còn lại là cây lâu năm).

Cùng thuộc Tờ bản đồ số 04, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00247, cấp ngày 09/02/1995 cho cụ Lý Thị N đứng tên. Đất tọa lạc ấp T, xã T (cũ), nay là khu vực T, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

Cụ N chết không để lại di chúc, bà Dương Thị T là vợ ông Nguyễn Văn T4 đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ N và là người đang quản lý, sử dụng thửa đất 24 và thửa đất 92 (loại đất 2L), thửa 266 (đất CLN + ODT) do ông Nguyễn Thanh T1 (con của ông Nguyễn Văn K2) đang quản lý một phần, ông Nguyễn Thanh B, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn T3 (con ông Nguyễn Văn S2) quản lý một phần.

Đối với phần diện tích 181.0m$^2$ , thuộc thửa đất số 266 mà bà Lý Thị N chuyển nhượng (thực tế là tặng cho) cho ông Nguyễn Văn Q (chồng bà Nguyễn Thị H1), trong đơn khởi kiện nguyên đơn cho rằng phần đất này do bà Dương Thị T chuyển nhượng chứ không phải bà Lý Thị N. Quá trình giải quyết nguyên đơn đã rút lại yêu cầu này, không yêu cầu Tòa án xem xét việc chuyển nhượng (tặng cho) giữa bà Lý Thị N và ông Nguyễn Văn Q.

Nay nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ N để lại là các thửa đất nêu trên thành 04 kỷ phần, nguyên đơn yêu cầu nhận 01 kỷ phần bằng hiện vật.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Ú trình bày*:

Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lý Thị N gồm 04 người, di sản thừa kế bao gồm thửa đất số 24, thửa đất số 92 và thửa đất số 266. Bà T là vợ của ông Nguyễn Văn T4 (ông T4 chết năm 1971) bà là người giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất nêu trên và là người trực tiếp quản lý và sử dụng các thửa gồm: thửa đất số 24, thửa đất số 92, còn thửa đất số 266 do ông Nguyễn Thanh T1, ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Thanh B, ông Nguyễn Văn T3 đang quản lý sử dụng.

Về nguồn gốc đất, bà T4 thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn, xác định các thửa đất trên là tài sản do cụ N tạo lập. Khi cụ N chết (không để lại di chúc). Nay nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 24, thửa đất số 92 và thửa đất số 266 thành 04 kỷ phần thì bà đồng ý.

Năm 1996 khi bà N còn minh mẫn bà đồng ý cho ông Nguyễn Văn Q 181.0m$^2$ (chồng bà Nguyễn Thị H1), cũng năm 1996 nhà nước mở lộ trúng nhà bà N và một phần nhà ông S2 (khi đó bà T4 đi nhận tiền bồi thường thay cho bà N số tiền là 11.900.000 đồng (mười một triệu chín trăm nghìn đồng), ngoài ra không có giấy tờ gì khác. Còn giấy tờ liên quan đến việc thu hồi thì đã bị thất lạc nên bà T4 không thể cung cấp cho Tòa án.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* bà Mai Thị C thống nhất với ý kiến trình bày của bà Mai Thị L.

*Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Phước H2, bà Nguyễn Thị H3, ông Nguyễn Thanh B, ông Nguyễn Văn Q trình bày:* bà H1, ông P, ông H2, bà H3, ông B, ông Q và ông Nguyễn Văn T3 là con của ông Nguyễn Văn S2, ông S2 chết năm 2019, ông S2 là con của cụ Lý Thị N nên bà H1, ông P, ông H2, bà H3, ông B, ông Q, ông T3 là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S2. Những người liên quan thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn về quan hệ thừa kế và nguồn gốc đất. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu chia di sản của cụ Lý Thị N gồm các thửa: Thửa đất số 24, diện tích thực tế 3408.2m$^2$; Thửa đất số 92, diện tích thực tế 1004,7m$^2$; Thửa đất số 266, diện tích thực tế 1157,2m$^2$ thành 04 kỷ phần theo quy định của pháp luật và yêu cầu nhận bằng hiện vật. Thửa 266, hiện tại ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Thanh B, ông Nguyễn Văn T3 đã xây dựng nhà và sinh sống trên đất thể hiện qua bản trích đo số 136/TTKTTNMT ngày 16/11/2022 do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C xác lập. Nay ông B, ông P yêu cầu xem xét khi chia thừa kế thì ổn định nơi ở cho ông B, ông P và ông T3, phần họ đang quản lý sử dụng.

*Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị M1 (Nguyễn Thị Kim C2), bà Nguyễn Thị Ú trình bày:* ông S, bà M1 (C2), bà Ú là con của ông Nguyễn Văn T4, ông T4 chết năm 1971, ông S, bà M1, bà Ú với tư cách là người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn T4 thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn về quan hệ thừa kế và nguồn gốc đất. Những người liên quan yêu cầu chia di sản của cụ Lý Thị N gồm: Thửa đất số 24, diện tích thực tế 3408.2m$^2$ ; Thửa đất số 92, diện tích thực tế 1004,7m$^2$; Thửa đất số 266, diện tích thực tế 1157,2m$^2$ thành 04 kỷ phần theo quy định của pháp luật và yêu cầu nhận bằng hiện vật.

*Người đại diện theo ủy quyền của người liên quan ông Nguyễn Thanh T1 là ông Nguyễn Thế T2 trình bày:* Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế theo pháp luật diện tích 5.783m$^2$ do cụ Lý Thị N chết không để lại di chúc cho 04 người con trong đó có ông Nguyễn Văn K2 (chết năm 2009), bà Đ, ông M, bà L, ông L3, ông D, bà L4, ông L5, ông T1 là con của ông Nguyễn Văn K2 không đồng ý chia phần diện tích đất một phần của thửa đất số 266, diện tích 931.2m$^2$ mà hiện nay ông T1 đang quản lý sử dụng, vì:

Phần đất nêu trên do cha ông Tuyền ông Nguyễn Văn K2 quản lý sử dụng từ năm 1963. Khi còn sống vào ngày 25/03/2003 ông K2 cũng đã làm đơn khiếu nại, khi đó nguyên đơn bà Nguyễn Thị H cũng ký xác nhận cùng những người làm

chứng. ông K2 có đơn xác nhận ngày 30/10/2008 về việc diện tích đất mà ông K2 đang quản lý sử dụng là do mẹ là cụ Lý Thị N cho nhưng chưa tách bộ. Đơn này được 03 người xác nhận là bà H, ông S2 (con bà N) và bà Dương Thị T (dâu bà N) xác nhận và được Ban nhân dân ấp và UBND phường T ký xác nhận ngày 03/11/2008.

Trên phần đất này gia đình ông K2 đã sinh sống từ năm 1963 đến nay, đã tu bổ, san lấp, trồng trọt, xây dựng nhà thờ ông bà, cha mẹ và các công trình nhà ở, cây trồng và đã xây  hàng rào tách bạch với các thửa đất khác do bà H, ông S2, bà T quản lý. Các anh em của ông K2 không có đóng góp gì và bà N đã cho phần đất này cho ông K2 từ năm 1963 cho đến nay. Ông K2 là người đóng thuế và các nghĩa vụ khác với nhà nước.

Tại phiên hòa giải ngày 09/12/2005 tại UBND phường T các đồng thừa kế cũng thừa nhận phần đất mà ông K2 đang quản lý, sử dụng là của ông K2, không yêu cầu chia thừa kế, chỉ yêu cầu chia 02 thửa đất ruộng là thửa 24 và thửa 92 do bà Dương Thị T đang quản lý, sử dụng. Bà T cũng thừa nhận mảnh đất vườn thuộc thửa 266 là do bà N cho ông K2 từ trước. Như vậy, diện tích đất của ông K2 931.2m$^2$ hiện nay các con của ông K2 ông Nguyễn Thanh T1 đang sử dụng không phải là di sản thừa kế do cụ N để lại.

Diện tích đất mà ông Nguyễn Văn K2 được cha mẹ cho nhỏ hơn diện tích mà bà Nguyễn Thị H yêu cầu chia thừa kế cho 04 người con, nếu chia mỗi người sẽ được hưởng 1.445m$^2$, nay ông T1 yêu cầu công  nhận phần diện tích 931.2m$^2$, thửa đất số 266, tờ bản đố số 04, tọa lạc tại khu vực T, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ hiện nay các con ông K2 đang quản lý sử dụng là của ông Nguyễn Văn K2.

*Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C1, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị L2, ông Nguyễn Văn L3, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Kim L4, ông Nguyễn Thành L5:* Thống nhất với ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông T1.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn Q có đơn xin vắng mặt, nhưng trong  bản tự khai ông Q trình bày*: Vào năm 1996 bà Lý Thị N (bà nội của vợ ông Q) đã tặng cho vợ chồng ông phần đất có diện tích 181.0m$^2$ thuộc thửa 266 và ông đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận. Việc tranh chấp chia thừa kế giữa các bên ông không liên quan và không có ý kiến gì.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Hoàng Đ1, bà Bùi Thị Thu H4, bà Lê Hồng L6 có đơn xin vắng mặt, trong biên bản lấy lời khai người liên quan trình bày: ông Đ1, bà H4, bà L6*  là những người đang thuê phòng trọ trên đất của ông Nguyễn Thanh T1, trường hợp Tòa án giải quyết chia đất cho ai thì họ tiếp

tục thuê phòng với người được giao đất, ngoài ra họ không có ý kiến gì đối với vụ kiện chia thừa kế giữa các bên.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T3*: Mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không rõ ý kiến.

*Tại phiên tòa sơ thẩm*, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chia di sản của cụ Lý Thị N chết để lại gồm các đất số 24, diện tích thực tế 3408.2m$^2$; Thửa số 92, diện tích thực tế 1004,7m$^2$; Thửa số 266, diện tích thực tế 1157,2m$^2$ cho 04 người con là hàng thừa kế thứ nhất của cụ N gồm: bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn S2, ông Nguyễn Văn T4, ông Nguyễn Văn K2, yêu cầu nhận bằng hiện vật. Rút lại yêu cầu xem xét hợp đồng chuyển nhượng (tặng cho) quyền sử dụng đất của cụ Lý Thị N với ông Nguyễn Văn Q, phần đất thuộc thửa 266, tờ bản đồ số 04, diện tích 181.0m$^2$, đất tọa lạc tại khu vực T, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 114/2023/DS -ST ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, đã quyết định:

*1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lý Thị N để lại gồm các thửa đất: Thửa đất số 24, diện tích thực tế 3408.2m$^2$; Thửa đất số 92, diện tích thực tế 1004,7m$^2$; Thửa đất số 266, diện tích thực tế 1157,2m$^2$ , tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại khu vực T, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ, cho 04 người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lý Thị N gồm: bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn S2, ông Nguyễn Văn K2, ông Nguyễn Văn T4, cụ thể:*

*- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị H là bà Mai Thị L được thừa kế phần đất có ký hiệu C, diện tích 236.0m$^2$, đất thuộc thửa số 92, tờ bản đồ số 04; theo Bản trích đo địa chính số 1338/TTKTTNMT do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C xác lập ngày 06/11/2023; được thừa kế phần đất có ký hiệu A, diện tích 852.2m$^2$, đất thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 04, theo Bản trích đo địa chính số 1337/TTKTTNMT do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C xác lập ngày 06/11/2023; được thừa kế phần đất có ký hiệu C, diện tích 61.2m$^2$ và phần đất có ký hiệu G, diện tích 228.1m$^2$ (trong đó có 75m$^2$ đất ODT) , đất thuộc thửa 266, tờ bản đồ số 04, theo Bản trích đo địa chính số 1336/TTKTTNMT do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C xác lập ngày 06/11/2023. Các thửa đất tọa lạc tại khu vực T, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.*

*- Những người thừa kế của ông Nguyễn Văn K2 gồm bà Nguyễn Thị C1, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị L2, ông Nguyễn Văn L3, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Kim L4, ông Nguyễn Thành L5, ông Nguyễn Thanh*

*T1 được thừa kế phần đất có ký hiệu A, diện tích 236.0m², đất thuộc thửa số 92, tờ bản đồ số 04; theo Bản trích đo địa chính số 1338/TTKTTNMT do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C xác lập ngày 06/11/2023; được thừa kế phần đất có ký hiện B, diện tích 852.0m², đất thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 04, theo Bản trích đo địa chính số 1337/TTKTTNMT do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C xác lập ngày 06/11/2023; được thừa kế phần đất có ký hiệu D, diện tích 164.2m² (Trong đó có 75m² đất ODT) và phần đất có ký hiệu H diện tích 125.1m², đất thuộc thửa 266, tờ bản đồ số 04 theo Bản trích đo địa chính số 1336/TTKTTNMT do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C xác lập ngày 06/11/2023. Các thửa đất tọa lạc tại khu vực T, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ*

*- Những người thừa kế của ông Nguyễn Văn S2 gồm bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Phước H2, bà Nguyễn Thị H3, ông Nguyễn Thanh B, ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn T3 được thừa kế phần đất có ký hiện D, diện tích 236.0m², đất thuộc thửa 92, tờ bản đồ số 04, theo bản trích đo địa chính số 1338/TTKTTNMT do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C xác lập ngày 06/11/2023; được thừa kế phần đất có ký hiện C, diện tích 852.0m², đất thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 04, theo bản trích đo địa chính số 1337/TTKTTNMT do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C xác lập ngày 06/11/2023 ; được thừa kế phần đất có ký hiệu A, B, C, D, E, F, diện tích 226.0m² (Trong đó có 75m² đất ODT), đất thuộc thửa 266, tờ bản đồ số 04, theo Bản trích đo địa chính số 136/TTKTTNMT do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C xác lập ngày 16/11/2022 và phần đất có ký hiệu A, diện tích 15.8m², phần đất có ký hiệu E, diện tích 47.5m², tờ bản đồ số 04, đất thuộc thửa 266, theo Bản trích đo địa chính số 1336/TTKTTNMT do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C xác lập ngày 06/11/2023. Các thửa đất tọa lạc tại khu V, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.*

*- Những người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn T4 gồm ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị M1 (Nguyễn Thị Kim C2), bà Nguyễn Thị Ú được thừa kế phần đất có ký hiện B, diện tích 236.0m², phần đất có ký hiệu E, diện tích 60.7m² (phần đất này làm lối đi chung), đất thuộc thửa 92, tờ bản đồ số 04 theo Bản trích đo địa chính số 1338/TTKTTNMT do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C xác lập ngày 06/11/2023; được thừa kế phần đất có ký hiệu D, diện tích 852.0m², đất thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 04 theo Bản trích đo địa chính số 1337/TTKTTNMT do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C xác lập ngày 06/11/2023; được thừa kế phần đất có ký hiệu B, diện tích 126.6m² (Trong đó có 75m² đất ODT), phần đất có ký hiệu F, diện tích 162.7m², đất thuộc*

*thửa 266, tờ bản đồ số 04, theo Bản trích đo địa chính số 1336/TTKTTNMT doTrung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C xác lập ngày 06/11/2023. Các thửa đất tọa lạc tại khu vực T, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.*

*- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xem xét hợp đồng chuyển nhượng (tặng cho) quyền sử dụng đất giữa cụ Lý Thị N với ông Nguyễn Văn Q, phần đất thuộc thửa 266, tờ bản đồ số 04, diện tích 181.0m$^2$, đất tọa lạc tại khu vực thới T, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.*

*2. Không chấp nhận yêu cầu của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C1, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị L2, ông Nguyễn Văn L3, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Kim L4, ông Nguyễn Thành L5, ông Nguyễn Thanh T1 về việc yêu cầu công nhận phần diện tích 931.2m$^2$, đất thuộc thửa số 266, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại khu vực thới T, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ mà ông T1 đang quản lý sử dụng là của ông Nguyễn Văn K2.*

*- Buộc ông Nguyễn Thanh T1 có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ vật kiến trúc nằm trên phần đất có ký hiệu C và G theo bản trích đo địa chính số 1336/TTKTTNMT do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C xác lập ngày 06/11/2023.*

*- Các đương sự tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.*

*- Buộc bà Dương Thị T có trách nhiệm giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 00247, gồm các thửa đất số 24, 92, 266 tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, TP ., tỉnh Cần Thơ (cũ) nay là khu vực T, phường T, quận B, TP . do bà Lý Thị N đứng tên cho những người thừa kế của bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn S2, ông Nguyễn Văn K2, ông Nguyễn Văn T4 làm thủ tục tách thửa sang tên theo quy định.*

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 21/12/2023, ông Nguyễn Thanh T1 (thông qua người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thế T2) kháng cáo và ngày 12/5/2024, ông T2 có đơn kháng cáo bổ sung, đề nghị cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm với các lý do:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Dương Thị T bị đơn là không đúng, vì bà T không liên quan đến huyết thống trong quan hệ chia thừa kế theo pháp luật. Bà Nguyễn Thị C1 (vợ ông K2) không được triệu tập tham gia tố tụng. Diện tích đất bà Mai Thị C đang ở khoảng 70m$^2$ nằm trong diện tích đất của bà Lý Thị N nhưng không được đưa vào diện tích đất chia thừa kế. Diện tích đất ông Nguyễn Văn Q

chuyển nhượng 181m$^2$ liên quan đến việc bà T giả chữ ký của bà N bán cho ông Q cũng không được xem xét giải quyết. Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất này và cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết nhưng không xem xét hỏi ý kiến của những người liên quan khác, trong khi đó diện tích đất 181m$^2$ này liên quan tài sản thừa kế. Dãy căn nhà trọ diện tích 125,1m$^2$ do bà C1 và ông T1 xây dựng, khi cấp sơ thẩm yêu cầu dở bỏ không có ý kiến của bà C1. Toàn bộ diện tích hiện ông T1, bà C1 đang quản lý đã được ông T1, bà C1 xây hàng rào bao quanh cũng như cây trồng trên đất, cấp sơ thẩm chia đất cho những người thừa kế nhưng không bồi thường cho bà C1. Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập xác minh làm rõ diện tích đất trước đây của bà N bị thu hồi, bà T được nhận tiền bối hoàn là bao nhiêu mét vuông. Cấp sơ thẩm phân chia đất lúa cho mỗi người diện tích 250m$^2$ là không phù hợp, vì không đảm bảo việc canh tác sử dụng. Buộc ông K2 phải tháo dở toàn bộ vật liệu xây dựng các căn phòng trọ để giao đất cho bà C, bà L2 là không đúng quy định pháp luật, vì diện tích đất dự kiến mở rộng đường hiện nay chưa thực hiện. Diện tích đất 931,2m$^2$ hiện ông T1, bà C1 đang quản lý sử dụng đã được ông Nguyễn Văn K2 quản lý sử dụng từ năm 1963. Hàng thừa kế thứ nhất của bà N là bà H, bà T (vợ ông Nguyễn Văn T4), ông S2 đều thừa nhận trong nhiều văn bản là bà N đã cho ông K2 diện tích đất này nhưng do điều kiện kinh tế nên ông K2 chưa làm thủ tục tách giấy. Cấp sơ thẩm lại đưa diện tích đất này vào diện tích đất chia thừa kế là không phù hợp.

*Tại phiên tòa phúc thẩm*, người đại diện theo ủy quyền của ông T1 cho rằng, phần đất 931,2m$^2$ thuộc một phần thửa 266 do bà N đã cho ông K2 sử dụng từ năm 1963 nên không phải là di sản. Trường hợp nếu chia thừa kế phần đất này thì chia làm 05 phần, trong đó có phần là công sức quản lý giữ gìn di sản của ông T1. Thống nhất các thửa đất ruộng số 92 và 24 như án sơ thẩm đã phân chia, không có yêu cầu gì khác. Còn các thừa kế của bà H, bị đơn bà T4 không đồng ý kháng cáo của ông T1.

** Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Mai Thị L (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H) phát biểu tranh luận:*

Người kháng cáo cho rằng, phần đất 931m$^2$ (thuộc thửa 266) bà N cho ông K2 sử dụng từ năm 1963 nhưng không có giấy tờ gì chứng minh việc cho tặng. Ông K2 và các con của ông không kê khai đăng ký đất này để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng trong khi bà N đã kê khai đăng ký và được cấp giấy đất vào ngày 09/02/1995, trong đó có thửa 266, diện tích 1.338m$^2$. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất 266 là di sản của bà N để lại và chia thừa kế là phù hợp.

Ngoài ra, Luật sư còn phân tích các vấn đề khác có liên quan đến nội dung kháng cáo của người liên quan như: về tư cách tham gia tố tụng của bà Dương Thị

T; phần đất do ông Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng không phải là di sản của bà N. Nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện đối với phần đất ông Q được cấp giấy nên cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết phần này là phù hợp. Nếu sau này có tranh chấp phần đất ông Q đứng tên thì có thể giải quyết bằng vụ án khác. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* *Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Dương Thị T* phân tích các tình tiết của vụ án cho rằng, phần đất 931m$^2$ thửa 266, nhà nước đã cấp giấy cho bà N, con dâu bà N là bà Dương Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc bà N nên sử dụng đất và quản lý giấy tờ đất. Khi còn sống, bà N cũng đã chia đất ruộng cho mỗi người con của bà 0 công. Riêng phần đất ruộng bà N còn đứng tên đã cho bà T sử dụng nhưng bà T cũng đồng ý lấy đất ruộng này để chia thừa kế. Phần đất 931m$^2$ ông T1 quản lý sử dụng cho thuê, kinh doanh để hưởng lợi trong nhiều năm nhưng các thừa kế khác của bà N cũng không yêu cầu gì đối với ông T1. Ông T1 yêu cầu tính công sức quản lý di sản là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các đương sự tham gia phiên tòa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Kiểm sát viên phân tích các tình tiết của vụ án, tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ, xác định: Phần đất 931m$^2$ thuộc thửa 266 bà N đã cho ông K2 sử dụng nên việc cấp giấy đất cho bà N đứng tên là không phù hợp. Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông T1, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án dân sự *"tranh về thừa kế tài sản"*theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

Bà Dương Thị T là vợ của ông Nguyễn Văn T4 (đã chết 1971 là con ruột của bà Lý Thị N - người để lại di sản) quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà N đứng tên và đang chiếm hữu sử dụng một phần tài sản thừa kế. Nguyên đơn khởi kiện đối với bà T4 nên xác định bà T4 tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm, bà Nguyễn Thị C1 (vợ ông K2, chết năm 2019) nên các con của ông K2, bà C1 là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố

tụng của bà tham gia giải quyết vụ án là phù hợp. Vì vậy, ông T1 kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng là chưa phù hợp.

[2] Về nội dung giải quyết:

Bà Lý Thị N (chết ngày 11/01/2008) được Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Cần Thơ (cũ), nay thuộc quận B, thành phố Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00247, ngày 09/02/1995 gồm các thửa:

Thửa 24, diện tích 3.570m$^2$ (diện tích đo đạc thực tế **3408.2m$^2$**), loại đất 2L;

Thửa 92, diện tích 875m$^2$ (diện tích đo đạc thực tế **1004.7m$^2$**), loại đất 2L;

Thửa số 266, diện tích 1.338m$^2$, diện tích sau khi chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Q (181m$^2$) còn lại là 1.157.0m$^2$, diện tích đo thực tế là **1.157.2m$^2$** (có 300m$^2$ đất ODT, còn lại là CLN).

Cùng thuộc Tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã T (cũ), nay là khu vực T, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ. Nguồn gốc đất nêu trên do bà N tạo lập để lại.

Các đương sự trình bày thống nhất về hàng thừa kế của bà N gồm: Chồng bà N là cụ Nguyễn Văn H5 (chết trước bà N, năm 1975), bà N có 04 người con ruột gồm: Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn S2, ông Nguyễn Văn K2 và ông Nguyễn Văn T4. Bà H chết năm 2017 có chồng là ông Mai Đức H6 (chết năm 1984) và có 02 người con gồm bà Mai Thị C và bà Mai Thị L. Ông S2 chết năm 2019 có vợ là bà Ngô Thị Ả (chết năm 2012) và có 07 người con gồm: bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Phước H2, bà Nguyễn Thị H3, ông Nguyễn Văn T3, ông Nguyễn Thanh B, ông Nguyễn Văn Q. Ông T4 chết năm 1971 có 03 người con gồm: ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị M1 (Nguyễn Thị Kim C2), bà Nguyễn Thị Út . Ông K2 chết năm 2009 và có 08 người con gồm: bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị L2, ông Nguyễn Văn L3, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Kim L4, ông Nguyễn Thành L5, ông Nguyễn Thanh T1.

Bà N không để lại di chúc nên Tòa án cấp sơ thẩm phân chia các thửa đất nêu trên bằng hiện vật làm 04 phần ngang bằng nhau cho các thừa kế của bà N theo quy định pháp luật về thừa kế, cụ thể:

Chia cho các thừa kế của bà Nguyễn Thị H: 236.0m$^2$ tại thửa 92; 852.2m$^2$ tại thửa 24; 289,3m$^2$ tại thửa 266;

Chia cho những người thừa kế của ông Nguyễn Văn K2: 236.0m$^2$ tại thửa 92; 852.0m$^2$ tại thửa 24; 289,3m$^2$ tại thửa 266;

Chia cho những người thừa kế của ông Nguyễn Văn S2: 236.0m$^2$ tại thửa 92; 852.0m$^2$ tại thửa 24; 289,3m$^2$ tại thửa 266;

Chia cho những người thừa kế của ông Nguyễn Văn T4: 236.0m$^2$ (và phần đất 60.7m$^2$ làm lối đi chung) thuộc thửa 92; 852.0m$^2$ tại thửa số 24; 289,3m$^2$ tại thửa 266.

Các thừa kế của bà H, ông S2 và ông T4 thống nhất cách phân chia như nêu trên nên không kháng cáo. Riêng ông Nguyễn Thanh T1 (người thừa kế của ông Nguyễn Văn K2) không đồng ý nên kháng cáo. Xét yêu cầu kháng cáo của ông T1, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3] Đối với phần đất 931,2m$^2$ (thuộc một phần thửa 266), ông T1 cho rằng, đất này do bà N đã cho ông K2 và hiện tại ông T1 đang quản lý sử dụng, không còn là di sản thừa kế của bà N để phân chia. Xét thấy, theo quy định của pháp luật, việc tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản, có công chứng hoặc chứng thực và phải được đăng ký giao dịch tặng cho tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Mặc dù ông T1 sử dụng đất này nhưng không kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng kể cả khi ông K2 còn sống. Trong khi đó, bà N kê khai đăng ký và đã được cấp giấy đất từ năm 1995 nhưng ông K2, ông T1 và gia đình không ai có ý kiến khiếu nại gì. Hơn nữa đất tranh chấp do bà N tạo lập, không phải của ông K2 nên cơ quan nhà nước có thẩm cấp giấy đất cho bà N là phù hợp. Hiện tại không có cơ quan nào thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà N. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định toàn bộ diện tích thửa đất 266 là di sản của bà N để lại và phân chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ.

[4] Khi ông T1 xây dựng, nâng cấp sửa chữa nhà trên một phần thửa đất 266, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý vụ án để giải quyết tranh chấp chia thừa kế vào ngày 13/01/2016. Đến năm 2017 ông T1 tự ý xây dựng, sửa chữa công trình trên phần đất có tranh chấp nên ngày 15/5/2017 UBND phường T đã ban hành quyết định số 165/QĐ-UBND buộc cưỡng chế tháo dỡ đối với công trình xây dựng tại địa chỉ số B, tổ H, khu vực T, phường T do ông T1 làm chủ đầu tư. Như vậy, ông T1 bị buộc phải tháo dở tài sản tồn tại trái phép trên phần đất tranh chấp. Do đó, những người thừa kế được hưởng phần đất có công trình mà ông T1 xây dựng thì ông T1 phải có trách nhiệm tự tháo dỡ như án sơ thẩm nhận định là phù hợp.

[5] Về nội dung kháng cáo cho rằng, trước đây Nhà nước có thu hồi một phần đất của bà N để làm đường nhưng bà T4 nhận tiền. Khi giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có văn bản gửi cơ quan chức năng để làm rõ vấn đề này. Tại văn bản phúc đáp số 1136/BQLDA&PTQĐ ngày 05/8/2022 của Ban Q1 đất quận B (bút lục 269) xác định: *"Đường Nguyễn Chí T5 lộ giới 10m, tráng nhựa được thực hiện khoảng năm 2001 – 2002. Thời điểm này chưa thành lập quận B. Do đó, Ban Quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất quận B không có hồ sơ đối với đường Nguyễn Chí T5 và cũng không nắm được thông tin đơn vị nào thực hiện"*. Đồng thời tại Công

văn số 1547/UBND-NCPC ngày 04/4/2023 của Ủy ban nhân dân quận B phúc đáp cho Tòa án (Bút lục 393) xác định, không lưu trữ hồ sơ thu hồi đất liên quan thửa 266 tại đường N nên không thể cung cấp cho Tòa án. Xét thấy, việc thu hồi đất của bà N để làm đường và bồi hoàn tiền vào thời điểm bà N còn sống và số tiền đó thuộc sở hữu của bà N và do bà định đoạt. Vì vậy, không có cơ sở để Tòa án xem xét về việc thu hồi đất, bồi hoàn tiền cho bà N để giải quyết trong vụ án này như lời trình bày của người kháng cáo nêu ra.

[6] Đối với thửa đất 468, diện tích đất 181m$^2$ (loại CLN) do ông Nguyễn Văn Q được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (được tách ra từ thửa 266 do bà N đứng tên), thấy rằng: thời điểm lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để tách thửa cho ông Q vào năm 2003 thì bà N vẫn còn sống (bà N chết năm 2008). Việc chuyển quyền sử dụng đất cho ông Q là do bà N định đoạt, cho đến khi mất, bà N cũng không tranh chấp hay khiếu nại gì đối với ông Q về việc ông được xác lập quyền sử dụng đất. Tại tờ tường trình về nguồn gốc đất của ông Q, được Ủy ban nhân dân phường T xác nhận ngày 03/11/2008 (bút lục 86), ông Q được bà N cho đất sử dụng từ năm 1997. Sau đó ông Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00105, ngày 30/7/2004. Đồng thời, tại Công văn số 1547/UBND-NCPC ngày 04/4/2023 của Ủy ban nhân dân quận B phúc đáp cho Tòa án cấp sơ thẩm (bút lục 393) xác định về nguồn gốc, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Q là đúng quy định tại thời điểm cấp giấy. Do đó, thửa đất 468 do ông Q đứng tên nêu trên không phải là di sản thừa kế.

Mặc khác, khi giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, những người thừa kế của bà Nguyễn Thị H xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với thửa đất 468 do ông Q đứng tên, các đương sự khác không ai có ý kiến gì nên cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ giải quyết phần nội dung này là phù hợp.

[7] Đối với các thửa đất số 92 và 24 (loại trồng lúa), Tòa án cấp sơ thẩm phân chia làm 04 phần cho các thừa kế của bà N, người kháng cáo không kháng cáo vấn đề này và các thừa kế khác không có yêu cầu gì nên cấp phúc thẩm không xem xét lại.

[8] Đối với diện tích đất bà Mai Thị C đang ở khoảng **70m$^2$** mà ông T1 cho rằng thuộc một phần thửa 266, là di sản của bà N để lại nhưng chưa được cấp sơ thẩm xem xét khi chia thừa kế. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo rút lại ý kiến yêu cầu này nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[9] Đối với yêu cầu tính công sức quản lý giữ gìn di sản của ông T1 đối với phần đất 931,2m$^2$ thấy rằng, ông T1 sử dụng đất này để ở, cho thuê, kinh doanh hưởng lợi trong thời gian dài, các thừa kế khác của bà N không yêu cầu gì đối với ông T1 là đã có lợi cho ông. Mặc khác, di sản thừa kế của bà N để lại có nhiều thửa

đất ở các vị trí khác nhau và những người thừa kế cùng quản lý sử dụng mỗi người một phần. Vì vậy, việc ông T1 yêu cầu tính công sức quản lý, giữ gìn di sản khi chia thừa kế đối với phần đất 931,2m$^2$ là không phù hợp.

[10] Từ những vấn đề được phân tích nêu trên nhận thấy cấp sơ thẩm đã giải quyết phân chia di sản thừa kế của bà N để lại theo pháp luật về thừa kế là phù hợp. Ông T1 kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm là không có cơ sở để chấp nhận.

[11] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo của ông T1 là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Quan điểm của các Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L2, bà T4 đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở nên chấp nhận.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông T1 kháng cáo nhưng không có căn cứ chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định.

[13] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 114/2023/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

2/. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc ông Nguyễn Thanh T1 phải chịu số tiền 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông T1 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002407 ngày 21/12/2023 vào án phí (ông T1 nộp đủ án phí).

3/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày được tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
-.Các đương sự;
-.VKSND TP.Cần Thơ;
-.Chi Cục THADS Q. Bình Thủy;
-.TAND Q. Bình Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

*(Đã ký)*

**Võ Bảo Anh**